

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Địa chỉ : Khu Phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP.HCM

Điện thoại : 08.38723316 – Fax : 08.38722372

-----oOo-----

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2012**

MỤC LỤC



NỘI DUNG	Trang
PHẦN I : LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	1
1. Những sự kiện quan trọng	1
2. Quá trình phát triển	2
3. Định hướng phát triển	3
PHẦN II : BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012	4
2. Tóm tắt tình hình sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đề ra	5
3. Một số thay đổi chủ yếu trong năm	6
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	7
PHẦN III : BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	8
1. Báo cáo tình hình tài chính	8
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012	9
3. Những cải tiến và các biện pháp kiểm soát	10
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013	11
5. Cơ hội và kế hoạch phát triển trong tương lai	12
PHẦN IV : BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13
PHẦN V : THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14
1. Đặc điểm hoạt động của công ty	14

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong năm	15
3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng	16
4. Các chính sách kế toán áp dụng	17
5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán	18
6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	19
7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	20
8. Những thông tin khác	21
PHẦN VI : CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	22
1. Công ty Cổ Phần Hàng Hải Phú Hải	22
2. Công ty TNHH DV Bóc Xếp Bình Mỹ	23
PHẦN VII : TỔ CHỨC NHÂN SỰ	24
1. Cơ cấu tổ chức	24
2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành	25
3. Quyền lợi của Ban Giám Đốc	26
4. Số lượng CBCNV và chính người lao động	27
5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	28
PHẦN VIII : THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	29
2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông/ thành viên góp vốn	30

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU
Năm báo cáo : 2012

PHẦN I : LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Những sự kiện quan trọng :

Việc thành lập.

Công ty cổ phần Cảng Phú Hữu được thành lập trên cơ sở hợp tác giữa Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé, Công ty Cổ Phần Hàng Hải Phú Hải và Công ty TNHH DV Bốc Xếp Bình Mỹ.

Ngày 22/09/2009 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309444635 để đầu tư xây dựng phát triển khu đất 24ha, việc xây dựng Cảng Phú Hữu nhằm giảm bớt áp lực lưu lượng tàu ra vào sông Sài Gòn - hiện đang quá tải, đồng thời phù hợp với đề án quy hoạch nhóm cảng số 5 theo đúng định hướng quy hoạch cảng của Chính phủ và thành phố Hồ Chí Minh.

Giai đoạn từ tháng 06/2007 đến hết tháng 12/2008 Công ty triển khai xây dựng hệ thống cầu cảng, bến bãi, đầu tư trang thiết bị, tuyển dụng, đào tạo CBCNV, hoàn thiện bộ máy tổ chức chuẩn bị cho việc Cảng vào kinh doanh khai thác vào đầu năm 2009.

Giới thiệu về Công ty.

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu

Tên Tiếng Anh : Phu Huu Port Corporation

Tên Viết Tắt :

Địa chỉ : Khu Phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP.HCM

Điện thoại : 08.38723316

Fax : 08.38722372

Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn.) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309444635

đăng ký thay đổi lần hai 09/03/2010 tại Sở Kế hoạch -
Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh

Các sự kiện khác.

Tháng 7/2010 Cục Hàng hải và Công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền nam đã cấp giấy phép đưa cầu cảng đi vào hoạt động.

Nhằm đáp ứng nhu cầu và nâng cao năng suất xếp dỡ Container tại Cảng, Công ty đã đầu tư 03 cầu QC với tổng vốn đầu tư là : 4.124.500 USD

2. Quá trình phát triển.

Ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, bốc xếp hàng hóa cảng biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần.

Tình hình hoạt động.

Trong 4 năm hoạt động (2009 – 2012) Cảng Phú Hữu cũng chưa đạt hiệu quả như mong muốn do đường kết nối cảng với trục đường chính chưa có.

Do đặc điểm tình hình trên, Cảng Phú Hữu không thu hút được khách hàng có nhu cầu đưa tàu về làm hàng tại cảng, mà chủ yếu chỉ tiếp nhận được các tàu vào cảng để sửa chữa, hoặc chờ làm thủ tục chuyển đổi chủ sở hữu.

3. Định hướng phát triển.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Hợp tác khai thác nguồn hàng phân bón của nhà máy điện đạM Cà Mau theo hình thức sử dụng kho bãi của Cảng Phú Hữu để tập kết hàng vận chuyển bằng sà lan từ Cà Mau chờ xuất tàu.

Hợp tác với công ty Hà Nam khai thác cần cẩu nổi có sức nâng 1.000 tấn để làm hàng siêu trường siêu trọng - Cảng Phú Hữu sẽ đảm trách công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng.

Khai thác nguồn hàng rời từ Campuchia chuyển bằng sà lan về tập kết tại Cảng Phú Hữu chờ xuất tàu.

Hợp tác với Gemadept và ICD Phước Long để làm hàng Container theo phương án tàu – sà lan – ICD Phước Long và ngược lại.

Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ cung cấp ngoài chức năng kinh doanh chính là khai thác bến cảng như hiện nay theo hình thức mở rộng hợp tác kinh doanh với các đối tác, đặc biệt là các đối tác kinh doanh trong lĩnh vực logistics, các đơn vị forwarding quốc tế có nhu cầu về các hợp đồng thuê phụ chuyên tiếp hàng hóa bằng sà lan, xếp dỡ hàng hóa siêu trường siêu trọng.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty trong thời gian tới, tập trung vào các vấn đề sau :

- Xem xét đầu tư các thiết bị và phương tiện xếp dỡ chuyên dùng hợp lý cho từng giai đoạn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Cùng Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé tiếp tục đầu tư hạ tầng giai đoạn hai Cảng Phú Hữu.
- Nỗ lực tìm kiếm và tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi trong và ngoài nước để cân đối nhu cầu đầu tư và phát triển khi cần thiết.
- Nâng cao chất lượng tuyển dụng và đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh doanh của công ty.

PHẦN II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2012.

1.1 Đặc điểm tình hình:

- Việc thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, chính sách tiền tệ chặt chẽ đã góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô nhưng cũng để lại hệ quả là cầu nội địa giảm mạnh, hàng tồn kho lớn, lãi suất tín dụng tăng cao. Doanh nghiệp khó tiếp cận vốn, gặp nhiều khó khăn trong SXKD nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, dẫn đến nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể.

- Tốc độ phát triển cảng biển diễn ra khá nhanh, năng lực thông qua cụm cảng Tp.HCM, nhóm cảng biển số 5 đã vượt qua nhu cầu của thị trường dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt và quyết liệt hơn.
- Phần lớn khách hàng vẫn chưa quan tâm đến dịch vụ của cảng Phú Hữu – nơi chưa hoàn thiện hệ thống giao thông bên ngoài kết nối Cảng Phú Hữu với các trục giao thông chính. Dự kiến phải đến quý II năm 2013 đường nối Cảng Phú Hữu mới hoàn thành.

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Việc hạn chế giao thông đường bộ dẫn đến hình thức khai thác chủ yếu tại Cảng Phú Hữu vẫn bằng đường thủy, trong đó khách hàng chính là hãng tàu Gemadep, do khai thác container qua phương án tàu – sà lan và mới đưa vào hoạt động từ cuối năm 2012 nên doanh số rất thấp.
- Năm 2012, Công ty đã hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng 3 cầu QC từ tháng 5/2012 nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu xếp dỡ container qua Cảng, giai đoạn này, phải tính đủ chi phí khấu hao thiết bị trong tình hình chưa có đủ nguồn thu bù đắp chi phí do khó khăn về đường giao thông, dẫn đến kết quả kinh doanh bị lỗ trong thời gian đầu tư ban đầu là điều không thể tránh khỏi.
- Trong điều kiện kinh doanh như trên, Ban lãnh đạo công ty đã hạn chế đến mức thấp nhất các chi phí để giảm lỗ, nhưng vẫn đảm bảo thu nhập và các chế độ BHXH, y tế cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về kinh doanh và quản lý tài chính,
- Tóm tắt tình hình sản xuất kinh doanh, so sánh với kế hoạch đề ra:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2012	Kết quả năm 2012	So sánh kết quả năm 2012 với kế hoạch 2012	
					Số tiền	Tăng giảm (%)
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	7.673,5	2.991	-4.682,5	39
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.767,5	-2.144	-5.911,5	-56.9
3	Thuế TNDN (*)	Triệu đồng	956,2	-	-	-
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.811,3	-2.144	-4.955,3	-76.3
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	%	36.63	-71.68	-	-

3. Một số thay đổi chủ yếu trong năm.

- Trong năm 2012, nguồn vốn chủ sở hữu của công ty tăng từ 79,842 tỷ lên 85,350 tỷ, được thực hiện qua phương thức chi trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu để tăng vốn góp của cổ đông vào nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tiếp tục củng cố mô hình tổ chức công ty theo hướng đa nhiệm, hiệu quả.
- Xây dựng và tổ chức phương án kinh doanh khai thác Cảng Phú Hữu phù hợp theo từng giai đoạn.
- Trong năm 2012, công ty được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp phép trở thành công ty đại chúng với quy mô trên 300 cổ đông, công ty đã xây dựng website công bố thông tin và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công ty đại chúng theo quy định
- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết đại hội cổ đông 2011,

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.

4.1 Dự báo tình hình năm 2013:

- Tình hình kinh tế, tài chính thế giới năm 2013 sẽ còn diễn biến phức tạp và có ảnh hưởng nhất định đến nền kinh tế nước ta. Với mục tiêu tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát ở mức thấp, dự báo mức tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước chỉ vào khoảng 5,5%. Áp lực về nguồn vốn để đầu tư hạ tầng và nguồn vốn cho SXKD sẽ còn gặp nhiều khó khăn.
- Sản lượng hàng hóa thông qua nhóm cảng biển số 5 theo dự báo sẽ vẫn tiếp tục giữ đà tăng trưởng. Tuy nhiên, do tình trạng cung vượt cầu của các cảng biển tại khu vực Cái Mép Thị Vải đối với hàng container dẫn đến sự cạnh tranh rất gay gắt. Một số cảng có sự chuyên hướng tham gia khai thác hàng bách hóa. Xu hướng này gây ra sự cạnh tranh và áp lực lớn đối với các cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh nhất là đối mặt hàng sắt thép, thiết bị.
- Đường nối Cảng Phú Hữu ra đường Nguyễn Duy Trinh dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý 2/2013, tuy nhiên việc hạn chế xe tải trọng lớn lưu thông từ đường Nguyễn Duy Trinh ra xa lộ Hà Nội và các trục đường chính về Tp HCM và Đồng Nai – Bình Dương là trở ngại lớn đối với giao thông hàng hóa bằng đường bộ ra vào Cảng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD khai thác tại Cảng Phú Hữu.

4.3 Mục tiêu

- Tập trung vận hành có hiệu quả 3 cầu QC và đầu tư một số phương tiện đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Duy trì và cải tiến mô hình tổ chức, hệ thống quản trị theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, tìm biện pháp thúc đẩy đầu tư đường nối Cảng với trục đường chính, đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hoạt động kinh doanh khai thác Cảng, phấn đấu trở thành Công ty cung cấp dịch vụ khai thác cảng biển hiện đại có uy tín trong nước và khu vực.

- Mở rộng lĩnh vực đầu tư và hợp tác kinh doanh khi có điều kiện thích hợp.

PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính.

Khả năng sinh lời.

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
Lợi nhuận gộp/Doanh thu	46.13%	-194.78%
Lợi nhuận thuần/Doanh thu	49.09%	-71.68%
Lãi ròng/Doanh thu	36.64%	-71.68%
Lãi ròng/Tổng tài sản (ROA)	4.16%	-2.47%
Lãi ròng/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	4.31%	-2.51%

Khả năng thanh toán.

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
Khả năng thanh toán nhanh	12.16	2.01
Khả năng thanh toán hiện hành	29.52	59.17

Những thay đổi về cổ đông/ vốn góp.

Cổ tức/ lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn

Năm 2011 : 2,9%

Năm 2012 :

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	So sánh thực hiện 2012 với thực hiện 2011		So sánh thực hiện 2012 với kế hoạch 2012	
						Số tiền	tỷ lệ (%)	Số tiền	tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	7.673,5	30.000	2.991	-4.682,5	-39,0	-27.009	9.97
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.767,5	4.000	-2.144	-5.911,5	-56.9	-6.144	-53.6
3	Thuế TNDN	Triệu đồng	956,2	1.000	-	-	-	-	-
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.811,3	3.000	-2.144	-4.955	-76.26	-5.144	-71.4
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	%	36.63	10	-71.68	-	-	-	-

3. Những cải tiến và biện pháp kiểm soát.

Năm 2012 Ban lãnh đạo Công ty đã có những chỉ đạo thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý các hoạt động của Công ty.

Tập trung chỉ đạo sát sao tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

Tăng cường sự quản lý của Ban điều hành với các hoạt động của Công ty, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu chi, có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tạo sự phát triển ổn định lâu dài.

Tổ chức thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013
1	Sản lượng	TTQ	56.000	300.000
2	Doanh thu	Tr.Đồng	2.991	21.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.Đồng	-2.144	1.000

PHẦN IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

Năm 2012

Đơn vị tính :
VND

Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.572.538.740	2.210.325.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.572.538.740	2.210.325.193
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	4.635.642.595	3.229.955.265
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(3.063.103.855)	(1.019.630.072)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.418.503.890	5.463.151.579
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		3.999.512
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		499.410.914	671.988.586
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(2.144.010.879)	3.767.533.409
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.144.010.879)	3.767.533.409
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		956.229.554
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(2.144.010.879)	2.811.303.855
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			352,11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

Đvt : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		11.791.398.906	87.469.154.025
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.944.136.970	37.295.202.066
1 Tiền	111	V01	841.018.859	2.295.202.066
2 Các khoản tương đương tiền	112		2.103.118.111	35.000.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V02		
1 Đầu tư ngắn hạn	121			
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III Các khoản phải thu	130		763.826.886	49.586.531.203
1 Phải thu của khách hàng	131		734.413.986	1.339.161.328
2 Trả trước cho người bán	132			48.247.369.875
4 Phải thu nội bộ	133			
5 Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng (*)	134			
6 Các khoản phải thu khác	138	V03	29.412.900	
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV Hàng tồn kho	140	V04		
1 Hàng tồn kho	141			
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V Tài sản ngắn hạn khác	150		8.083.435.050	587.420.756
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.079.689.634	574.517.264
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V05		
5 Tài sản ngắn hạn khác	158		3.745.415	12.903.492
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		74.996.803.182	3.019.084.332
I Các khoản phải thu dài hạn	210			
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị phụ thuộc	212			
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213	V06		
4 Phải thu dài hạn khác	218	V07		
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II Tài sản cố định	220		74.996.803.182	3.019.084.332
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V08	74.996.803.182	3.019.084.332
- Nguyên giá	222		81.092.340.248	5.910.000.000

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-6.095.537.066	-2.890.915.668
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3 Tài sản cố định vô hình	227	V10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11		
III Bất động sản đầu tư	240	V12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1 Đầu tư vào công ty con	251			
2 Đầu tư vào công ty liên kết	252			
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V13		
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V Tài sản dài hạn khác	260			
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V14		
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V21		
3 Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			86.788.202.088	90.488.238.357
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3		
A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 +330)	300		1.466.719.890	3.080.130.187
I Nợ ngắn hạn	310		1.466.719.890	3.080.130.187
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V15		
2 Phải trả cho người bán	312		351.835.900	1.227.767.641
4 Người mua trả tiền trước	313			50.000.000
4 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V16	16.057	744.982.713
5 Phải trả người lao động	315		254.382.689	585.727.998
6 Chi phí phải trả	316	V17	352.259.024	
7 Phải trả nội bộ	317			
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V18	110.500.000	73.425.615
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		397.726.220	398.226.220
II Nợ dài hạn	330			
1 Phải trả dài hạn người bán	331			
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332	V19		
3 Phải trả dài hạn khác	333			

4 Vay và nợ dài hạn	334	V20		
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V21		
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8 Doanh thu chưa thực hiện	338			
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		85.321.482.198	87.408.108.170
I Vốn chủ sở hữu	410	V22	85.321.482.198	87.408.108.170
1 Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		85.350.190.000	79.842.540.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412			
3 Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	413			
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		1.596.328.117	1.596.328.117
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		399.082.029	399.082.029
9 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-2.024.117.948	5.570.158.024
10 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
11 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1 Nguồn kinh phí	432	V23		
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			86.788.202.088	90.488.238.357

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài			
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4 Nợ khó đòi đã xử lý			
5 Ngoại tệ các loại (USD)			
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị tính : Đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD				
1- Tiền thu bán hàng, cung cấp d/vụ và doanh thu khác	01		2.355.885.991	1.249.237.560
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		36.272.535.138	41.211.467.209
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		806.604.270	650.995.598
4- Tiền chi trả lãi vay	04			
5- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		781.730.621	1.541.950.474
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.015.746.976	2.801.508
7- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		14.278.639.763	135.925.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(35.767.876.825)	(42.288.299.413)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1- Tiền chi mua sắm, x/dựng, s/chữa TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	6,7,8,11		
2- Tiền thu từ th.lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		127.000.000.000	335.000.000.000
4- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đ. vị khác	24		160.056.544.900	372.000.000.000
5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6- Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.257.148.718	5.463.151.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		34.313.693.618	42.463.151.579
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ SH	31	21		
2- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	21		
3- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4- Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(1.454.183.207)	174.852.166
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.295.202.066	2.120.349.900
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	29	841.018.859	2.295.202.066

PHẦN V. CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

Danh sách cổ đông nắm giữ vốn cổ phần của Công ty Cổ Phần Cảng Phú Hữu (tại thời điểm 31/12/2012). gồm :

1. Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé.

Thông tin chung.

- Tên tiếng việt : Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé
- Tên tiếng Anh : Ben Nghe Port Company Limited
- Địa chỉ : Số 9 Đường Bến Nghé Phường Tân Thuận Đông Quận 7 TP.HCM
- Điện thoại : 08.38723316
- Website : www.benngheport.com
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4104000160 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 3 năm 2006

1.2 Ngành nghề kinh doanh.

Kinh doanh bốc xếp hàng hóa tại khu vực cảng. Kinh doanh kho bãi chứa hàng trong và ngoài nước. Cho thuê phương tiện thiết bị, cơ sở hạ tầng cảng. Kinh doanh kho ngoại quan, vận chuyển thủy, bộ từ kho cảng đến kho người nhận. Môi giới tiêu thụ hàng hóa gởi ở kho ngoại quan, thay mặt chủ hàng làm thủ tục hải quan. Tái chế gia cố bao bì đóng gói, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. Xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư cho phục vụ sản xuất kinh doanh của cảng và phục vụ kho ngoại quan. Dịch vụ trung chuyển container quốc tế. Đầu tư và kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan địa điểm ngoài cửa khẩu (ICD).

2. Công ty Cổ Phần Hàng Hải Phú Hải.

2.1 Thông tin chung.

- Tên tiếng việt : Công ty Cổ Phần Hàng Hải Phú Hải

- Tên tiếng Anh : Phu Hai Marine Corporation
- Địa chỉ : 3A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1
TP.HCM
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4103003670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 08 năm 2009

2.2 Ngành nghề kinh doanh.

Kinh doanh và khai thác cảng. Dịch vụ bốc xếp hàng hóa. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa. Đại lý hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ lai dắt tàu biển. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh bất động sản.

3. Công ty TNHH Dịch Vụ Bốc Xếp Bình Mỹ.

Thông tin chung.

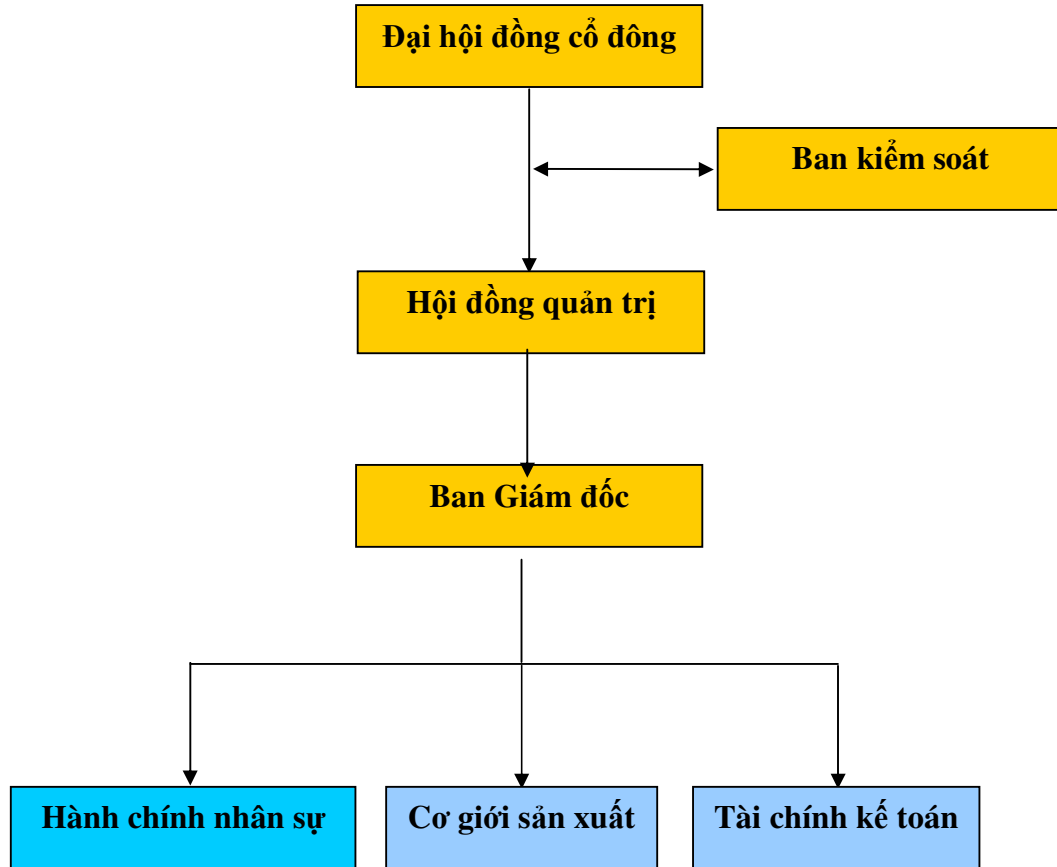
- Tên tiếng việt : Công ty TNHH Dịch Vụ Bốc Xếp Bình Mỹ
- Tên tiếng Anh : Binh My CO, LTD
- Địa chỉ : A5/2 Đường 85, Phường Tân Quy, Quận 7
- Điện thoại : 08.37710434
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4102040712 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007

Ngành nghề kinh doanh.

Dịch vụ bốc xếp hàng hóa, kiểm đếm hàng hóa.

PHẦN VI. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức.



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành.

Giám đốc công ty.

Ông Nguyễn Ngọc Thảo	: Giám đốc công ty
Họ và tên	: Nguyễn Ngọc Thảo
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 24/03/1969
Nơi sinh	: Thàùc bạø – yeân bạui
Số chứng minh nhân dân	: 023654203
Quốc tịch	: Việt nam
Dân tộc	: Kinh

Quê quán : Yên Bái
Địa chỉ thường trú : 121/4 Hồng Hà, p.2, Tân Bình, Tp.HCM
Số điện thoại liên lạc : 0903 941488
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Nãi hoặc
Quá trình công tác :

- Năm 1994 – 2003: Cảng Bến Nghé, Phòng Khai thác – điều độ
- Năm 2003 – 2004: Công ty Gemadept – Phòng dự án
- Năm 2004 – nay : Công ty TNHH MTV Cảng Bến nghé
- Tháng 9/2009 – 4/2013 : kiêm nhiệm quyền Giám đốc Cty CP Cảng Phú Hữu
- Từ ngày 10/4/2013 : Thôi giữ chức Giám đốc Công ty CP Cảng Phú Hữu (chức danh giám đốc mới của Cty se do HĐQT mới bổ nhiệm lại sau Đại hội cổ đông 2012 dự kiến tổ chức ngày 18-4-2013)

Chức vụ công tác hiện nay :

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Cảng Phú Hữu kiêm TGD Cty TNHH MTV Cảng Bến Nghé

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu :

+ Số lượng cổ phần đại diện : 680.000.000 CP (10% VNL)

+ Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 843

Các khoản nợ với công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

3. Quyền lợi của Ban Giám đốc.

Tiền lương, tiền thưởng của Ban Giám đốc thực hiện theo Điều lệ tổ chức hoạt động và quy chế lương thưởng của Công ty.

4. Số lượng CBCNV và chính sách người lao động.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2012 là 14 người. Tiền lương bình quân thực hiện năm 2012 là 4.500.000/ng

Công ty luôn quan tâm đến đời sống CBCNV, đảm bảo thu nhập CBCNV luôn được cải thiện và nâng cao. Đồng thời luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách

cho người lao động như các chế độ bảo hiểm, tổ chức khám chữa bệnh định kỳ, làm cho người lao động luôn yên tâm và gắn bó vì sự phát triển của Công ty.

5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.

Hội đồng quản trị : Trong năm 2012 không có thay đổi

Ban Giám đốc : Trong năm 2012 không có thay đổi

Ban kiểm soát :

Tháng 5/2012 Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đã thống nhất và thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Trung Hải giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát thay cho Ông Phạm Minh.

Kế toán trưởng : Trong năm 2012 không có thay đổi

PHẦN VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị do đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty. Trừ những vấn đề liên quan đến Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị hiện nay là 5 người, cụ thể như sau :

- Ông Nguyễn Trọng Cừ : Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Ngọc Thảo : Thành viên HĐQT
- Ông Dương Tuấn Hải : Thành viên HĐQT
- Bà Lâm Thị Ngọc Huyền : Thành viên HĐQT
- Bà Trần Thị Kim Thanh : Thành viên HĐQT

1.2 Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát do đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành quy định chế độ hạch toán, kế toán, quy trình,

quy chế nội bộ của Công ty, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tính chính xác, trung thực, hợp pháp của báo cáo tài chính của Công ty.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 3 người cụ thể như sau :

- Ông Đặng Hiền Nhi : Trưởng BKS
- Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc : Ủy viên BKS
- Ông Nguyễn Trung Hải : Ủy viên BKS

1.3 Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

1.4 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban kiểm soát tính đến thời điểm 31/12/2012:

STT	HỌ TÊN NGƯỜI SỞ HỮU	SỐ CMND	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
1	NGUYỄN TRỌNG CỬU	023036519	200, Lê Quang Định, P.14, Bình Thạnh, Tp HCM	9.754	0.00011
2	NGUYỄN NGỌC THẢO	023654203	121/4 Hồng Hà, p.2, Tân Bình, Tp HCM	843	0.00001
3	TRẦN THỊ KIM THANH	024818000	109/23 Trần Khắc Chân, P.Tân Định, Q.1, Tp HCM	806	0.00001
4	NGUYỄN LÊ BẢO QUỐC	023425096	108/20 Nguyễn Thiện Thuật, P.2, Q.3, Tp HCM	389	0.0000046

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn.

2.1 Thành viên/ cổ đông góp vốn Nhà Nước.

STT	HỌ TÊN NGƯỜI SỞ HỮU	SỐ CMND/ ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
1	CTY TNHH MTV CẢNG BẾN NGHÉ	4104000160	Số 9, Đường Bến Nghé, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp HCM	7.269.200	85.17

2.2 Cổ đông/ thành viên góp vốn sáng lập.

STT	HỌ TÊN NGƯỜI SỞ HỮU	SỐ CMND	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
1	Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	4104000160	Số 9, Đường Bến Nghé, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM	7.269.200	85.17
2	Công ty CP Hàng Hải Phú Hải	4103003670	3A(Lầu 3) Ngô Văn Năm, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM	213.800	2.5
3	Công ty TNHH DV BX Bình Mỹ	4102040712	A5/2, Đường 85, P.Tân Quy, Quận 7, Tp.HCM	213.800	2.5

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Trọng Cửu